TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 79/2018/HSST
Ngày 27- 12−2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Bà Bùi Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tin

Bà Đinh Thị Thu Huyền

Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Thủy- Thư ký Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Lương Văn Tuấn- Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 82/2018/TLST- HS ngày 03 tháng 12 năm 2018, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2018/QĐXXST- HS ngày 12 tháng 12 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1976; tại thôn Đ, xã L, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Nơi ĐKHKTT và nơi ở: thôn Đ, xã L, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: làm ruộng; Trình độ văn hoá: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Xuân T và bà: Nguyễn Thị V; Vợ: Hoàng Thị Th, có 02 con, lớn sinh năm 1999, nhỏ sinh năm 2005; **Tiền sự:** không;

Tiền án:

- Bản án số 35/2016/HSST ngày 09/8/2016 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Chấp hành xong bản án ngày 11/7/2017.

- Bản án số 77/2017/HSST ngày 16/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang xử phạt 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, chấp hành xong bản án ngày 07/6/2018.

Nhân thân: Ngày 16/10/2014, Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, thời hạn 18 tháng, ngày 17/3/2016 chấp hành xong.

Bị cáo đầu thú, không bị giam giữ, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại (Có mặt)

Người bị hại:

1. Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1981 (vắng mặt)
2. Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Cùng cư trú tại: thôn T, xã H, huyện Y, tỉnh Bắc Giang

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Ngụy Văn Th, sinh năm 1986 (vắng mặt)
Cư trú tại: Tổ dân phố Tr, thị trấn T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 01 tháng 8 năm 2018, Ch đi đến thành phố Bắc Giang chơi, khoảng 03 giờ ngày 02/8/2018, Ch đi bộ từ thành phố Bắc Giang về nhà. Khoảng 04 giờ ngày 02/8/2018, Ch đi về qua cổng nhà anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1976 ở thôn T, xã H, huyện Y, tỉnh Bắc Giang thấy cổng nhà anh L không có cánh cửa, trong sân có 01 chiếc xe máy điện nhãn hiệu 133S, màu đen, BKS 98MĐ6-00030 đang cắm sạc điện ắc quy, chìa khóa cắm ở ổ khóa điện, quan sát thấy không có ai trông coi tài sản, Ch nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe máy điện của anh L làm phương tiện đi lại. Ch đi vào trong sân nhà anh L, rút dây sạc điện để vào cốp xe, rồi dắt chiếc xe ra ngoài cổng, mở khóa điện và điều khiển chiếc xe đạp điện về nhà cất giữ.

Ngày 06/8/2018, anh Nguyễn Văn L làm đơn trình báo Công an huyện Y. Sau khi biết hành vi của mình bị phát hiện, ngày 06/8/2018, Nguyễn Văn Ch đến Công an huyện Y đầu thú, tự nguyện giao nộp 01 chiếc xe máy điện nhãn hiệu 133S màu đen BKS 98MĐ6- 00030.

Ngày 07/8/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y yêu cầu định giá tài sản, xác định giá trị chiếc xe máy điện Ch trộm cắp ở nhà anh L. Tại bản kết luận định giá tài sản số 51/KL-ĐGTS ngày 12/8/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Y kết luận: 01 chiếc xe máy điện nhãn hiệu 133S, BKS 98MĐ6- 00030 có giá trị là 6.588.000đ.

Cáo trạng số 75/CT- VKSYD ngày 27 tháng 11 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y truy tố Nguyễn Văn Ch về tội " *Trộm cắp tài sản* " theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố Nguyên Văn Ch phạm tội " *Trộm cắp tài sản*".

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1,2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Văn Ch từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án

Trách nhiệm dân sự: Người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không đề nghị giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Kể từ khi khởi tố vụ án hình sự, trong giai đoạn điều tra, truy tố vụ án, HĐXX thấy Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, không có vi phạm gì.

[2] Tại phiên tòa bị cáo xác định: Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội trộm cắp tài sản theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người đúng tội, không bị oan. Bị cáo nhất trí nội dung bản cáo trạng và Kết luận định giá tài sản. Bị cáo một mình thực hiện hành vi trộm cắp xe máy điện của vợ chồng anh L. Khi mang về nhà vì bị cáo ở 1 mình nên không ai biết. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, phù hợp với thời gian, địa điểm xảy ra tội phạm, có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 16 tháng 11 năm 2017, Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1976 ở thôn Đ, xã L, huyện Y, tỉnh Bắc Giang, bị Tòa án nhân dân huyện Y xử phạt 09 tháng về tội " *Trộm cắp tài sản*" với tình tiết tăng nặng là tái phạm. Bị cáo chấp hành xong hình phạt ngày 07/6/2018, chưa được xóa án tích. Khoảng 04 giờ ngày 02 tháng 8 năm 2018, tại nhà anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1976 ở thôn T, xã H, huyện Y, tỉnh Bắc Giang, lợi dụng sơ hở của anh L trong việc bảo quản tài sản, Ch lấy của anh L 01 chiếc xe máy điện nhãn hiệu 133S màu đen BKS 98MĐ6- 00030 có giá trị 6.588.000đ đem về sử dụng. Do vậy, có đủ căn cứ kết luận bị cáo Nguyễn Văn Ch phạm tội " trộm cắp tài sản", tội phạm được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến tài sản của vợ chồng anh L, chị Th được pháp luật bảo vệ, mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo có tiền án, có nhân thân xấu, nhiều lần bị xét xử và chịu hình phạt. Sau khi chấp hành xong hình phạt tù, bị cáo không sửa chữa mà tiếp tục phạm tội. Điều đó chứng tỏ bị cáo là người khó giáo dục. Hội đồng xét xử xét thấy cần xử lý bị cáo bằng pháp luật hình sự, xử phạt bị cáo một hình phạt nghiêm khắc, buộc bị cáo cách ly khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm nói chung. Bị cáo thuộc hộ cận nghèo Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[3] ***Tình tiết giảm nhẹ***: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Tự nguyện giao nộp tài sản trả lại người bị hại; sau khi bị phát hiện bị cáo đầu thú. Áp dụng điểm b, s Khoản 1,2 Điều 51 Bộ luật hình sự khi cân nhắc hình phạt.

[4] ***Tình tiết tăng nặng***: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[5] Trách nhiệm dân sự: Ngày 06/9/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y trả lại chiếc xe máy điện nhãn hiệu 133s màu đen BKS 98MĐ6- 00030 cho vợ chồng anh Nguyễn Văn L. Anh L nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì khác, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bị cáo thuộc hộ cận nghèo, căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố

tụng hình sự điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

I. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn Ch phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

Áp dụng điểm g Khoản 2 Điều 173, Điểm b, s Khoản 1,2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Căn cứ Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm đ khoản 1Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; các Điều 331; 332, 333; 336, 337 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xử phạt:

Nguyễn Văn Ch 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

II. Trách nhiệm dân sự: Người bị hại không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

III. Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

IV. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án./

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận :
- *TAND tỉnh; VKSND;*
- *T.H.A.(3b);*
- *Lưu HS.VP;*
- *Công an Y ;*
- *Bị cáo, UBND xã L.*

Bùi Thị Hương